TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST Ngày: 23-9-2025 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H**, sinh ngày 16/02/1986;** Số CCCD: 037186013416. Địa chỉ: Thôn Y, xã N, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ**, sinh ngày 19/9/1986;** Số CCCD: 037086012682; Địa chỉ: Thôn Y, Xã N, tỉnh Ninh Bình

Hiện anh Đ đang chấp hành án tại Phân trại 01- Trại Giam N

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn Đ1 kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng gia đình anh Đ1 tại thôn Y, xã N. Tuy nhiên hai bên chỉ sống hạnh phúc một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ1 chơi bời cờ bạc nợ nần, tôi và anh Đ1 thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tôi và anh Đ1 đã ly thân hơn hai năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy không thể duy trì cuộc sống vợ

chồng với anh Hoàng Văn Đ, tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Tôi và anh Đ có 02 con chung là các cháu: Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008, cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, hiện nay cả hai cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Hoàng Văn Đ: Tôi xác định thời điểm kết hôn và chung sống như cô H trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, vì vậy cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng tôi đã ly thân trước khi tôi đi chấp hành án. Nay cô H xin ly hôn với tôi thì tôi hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Tôi xác định tôi và cô H có 02 con chung là các cháu: Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008; cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, hiện nay cả hai cháu đang ở với cô H. Sau khi ly hôn tôi đồng ý cho cô H tiếp tục nuôi các cháu vì điều kiện của tôi đang chấp hành án không thể nuôi các cháu được. Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tôi đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử tại Tòa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên do anh Đ đang chấp hành án không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Lương Thị H vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Hoàng Văn Đ, về con chung: Chị H xin tiếp tục nuôi cả hai cháu Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008; cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn Đ.

2.Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008; cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn chị Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân từ trước khi anh Đ đi chấp hành án, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là các cháu Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008; cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H khỏe mạnh, có thu nhập, các cháu đang ở ổn định với chị H, mặt khác anh Đ đang phải chấp hành án tại trại giam nên không thể có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy việc tiếp tục giao cháu H1 và cháu Đ2 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích cho các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị H ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Hoàng Duy H1 sinh ngày 18/12/2008; cháu Hoàng Văn Đ2 sinh ngày 11/8/2010, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lương Thị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002626 ngày 24/7/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3-Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận: - *Các đương sự;* - *TAND tỉnh Ninh Bình;* - *VKSND Khu vực 3- Ninh Bình;* - *Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình;* - *UBND xã Nho Quan;* - *Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** (đã ký) Nguyễn Thị Hương Quỳnh